

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2024/HS -ST
Ngày: 07-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu L

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn N

2. Bà Triệu Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà: **Đặng Thị H** - Thư ký Tòa án huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình tham gia phiên Tòa: Ông **Nông Văn P** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2024; tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/HSST-QĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo có họ và tên:

Vũ Văn H; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 29/01/1988 tại Thành phố V. Nơi cư trú: Tổ G, thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền: Không; con ông Vũ Văn H, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965; bị cáo có vợ là Phan Thị O, sinh năm: 1988 và hai con. Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021, gia đình bị cáo có 02 anh em. Bị cáo là con lớn trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Nhà trường xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 63-QĐ/UBKTHU của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy N.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/02/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hứa Văn Đ; sinh năm 1992.

Trú tại: Xóm P 1, xã Đ, Thành phố V, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Anh Nông H Q; sinh năm 1992.

Trú tại: Xóm B, thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3. Anh Hồ Nông T; sinh năm 1988.

- Trú tại: Xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
4. Anh Lương Bảo N; sinh năm 1995.
Trú tại: Tổ T, thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
5. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1986.
Trú tại: Xóm N, xã D, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
6. Chị Nông Thị D; sinh năm 1989.
Trú tại: Tổ T, phường C, Thành phố V, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
7. Chị Nông Thúy L; sinh năm 1982.
Trú tại: Tổ G, Thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
8. Bà Hoàng Thị L; sinh năm 1983.
Trú tại: Xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
9. Anh Lý Văn L; sinh năm 1992.
Trú tại: Xóm B, Thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
10. Ông Lý Đào S, sinh năm: 1979.
Trú tại: Xóm X (nay là xóm L), xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
11. Bà Hoàng Mai S, sinh năm 1980.
Trú tại: Tổ H, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
12. Anh Ma Ngọc N, sinh năm 1992.
Trú tại: Xóm G, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
13. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962.
Trú tại: Xóm N, xã D, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.
14. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973.
Trú tại: Tổ H, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
15. Anh Chu Tiến T; sinh năm 1996.
Trú tại: Xóm H, Q, N, Cao Bằng. Vắng mặt.
16. Bà Lý Mùi D, sinh năm 1976.
Trú tại: Xóm L, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
- **Người làm chứng:**
1. Chị Phan Thị O, sinh năm 1988.
Trú tại: Tổ G, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
2. Anh Ma Văn Tuấn, sinh năm 1984.
Trú tại: Tổ G, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1986.
Trú tại: Tổ G, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
4. Ông Vũ Văn H, sinh năm 1964.
Trú tại: Tổ G, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.
Trú tại: Tổ G, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
6. Bà Bé Thúy H, sinh năm 1976.
Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng.
7. Anh Ma Trung K, sinh năm 1984.
Trú tại: Tổ T, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
8. Anh Nông Bảo L, sinh năm 1991.
Trú tại: Xóm B, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.
9. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988.

Trú tại: Tổ G, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.

10. Chị Hà Thị D, sinh năm 1987.

Trú tại: Tổ G, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt.

11. Ông Trương Văn P, sinh năm 1974.

Trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

12. Bà Tô Thị L, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm T, M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, Công an huyện Nguyên Bình nhận được đơn tố giác tội phạm của quần chúng nhân dân về việc Vũ Văn H, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố 02, thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng cho người khác vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, nơi làm việc, phương tiện đối với Vũ Văn H và thu giữ được nhiều tài liệu, đồ vật liên quan.

Về hình thức và mức vay, mức lãi suất cụ thể như sau:

- Hình thức “vay nóng”: Các mức vay theo nhu cầu của khách vay, người vay phải trả lãi từ 3.000^d (Ba nghìn đồng) đến 10.000^d (Mười nghìn đồng)/ 1.000.000^d (Một triệu đồng)/ngày. Tương đương mức lãi suất từ 182,5 đến 365%/ năm.

- Cụ thể:

1. Lý Đào S, (sinh năm: 1979, trú tại xóm X (nay là xóm L), xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng)). Ngày 11 tháng 8 năm 2018, H cho S vay số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định. Đến năm 2019 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), S trả cho H số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi. Thời gian sau đó, S bị bắt, khởi tố và phải đi chấp hành án phạt tù về tội tổ chức đánh bạc nên số tiền lãi còn lại S chưa trả được cho H. Lần cho vay tiền này, H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 2.260.500 đồng.

2. Lý Văn L, (sinh năm 1992, trú tại xóm B, thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng). Ngày 17 tháng 11 năm 2018, H cho L vay số tiền 20.000.000 đồng bằng tiền mặt với lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương đương 182,5%/ 01 năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Đến ngày 17 tháng 12 năm 2018, L đã trả cho H tiền lãi của 30 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Từ đó đến nay, L chưa trả thêm cho H khoản tiền gốc, tiền lãi nào. H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 2.671.260 đồng.

3. Hoàng Thị L, (sinh năm 1983, trú tại xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng). Ngày 03 tháng 4 năm 2019, H cho L vay số tiền 13.000.000 đồng với lãi suất là 4.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 164,25%/ 01 năm, gấp 8,21 lần lãi suất theo quy định. Đến ngày 24 tháng 5 năm 2019, L đã trả cho H số

tiền lãi của 51 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng bằng tiền mặt. Đến hiện tại, L vẫn nợ H số tiền gốc 13.000.000 đồng. H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 2.636.742 đồng.

4. Lương Bảo N (sinh năm 1995, trú tại Tổ T, thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng). Từ ngày 21 tháng 5 năm 2021 đến tháng 06 năm 2021, H đã cho Nam vay tiền nhiều lần, tổng số tiền H cho Nam vay là: 30.000.000 đồng với lãi suất từ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 182,5%/ 01 năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Khoản vay này, H đã thu tiền lãi: 1.100.000 đồng và tiền gốc 30.000.000 đồng, H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 979.462 đồng;

5. Hoàng Văn Đ, (sinh năm 1986, trú tại xóm N, xã D, huyện N, tỉnh Cao Bằng). Từ ngày 16 tháng 02 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, H đã cho Đ vay tiền nhiều lần với lãi suất cho vay khác nhau, tổng số tiền H cho Đ vay là: 47.000.000 đồng với lãi suất từ 4.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 146%/ 01 năm, gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 182,5%/ 01 năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Khoản vay này, H đã thu tiền lãi: 11.500.000 đồng và tiền gốc 47.000.000 đồng, H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 10.091.349 đồng;

6. Nông Thị D, (sinh năm 1989, trú tại Tổ T, phường C, Thành phố V, tỉnh Cao Bằng). Từ ngày 24 tháng 06 năm 2021 đến tháng 08 năm 2022, H đã cho Dung vay tiền nhiều lần với lãi suất cho vay khác nhau, tổng số tiền H cho Dung vay là: 35.000.000 đồng với lãi suất từ 3.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 109,5%/ 01 năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định đến 4.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 146%/ 01 năm, gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định. Khoản vay này, H đã thu tiền lãi: 2.430.000 đồng và tiền gốc 35.000.000 đồng, H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 1.991.680 đồng;

7. Hồ Nông T, (sinh năm 1988, trú tại xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng). Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến tháng 6 năm 2022, H đã cho T vay tiền nhiều lần với lãi suất cho vay khác nhau, tổng số tiền H cho T vay là: 40.000.000 đồng với lãi suất từ 3.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 109,5%/ 01 năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 365%/ 01 năm, gấp 18,25 lần lãi suất theo quy định. Khoản vay này, H đã thu tiền lãi: 5.090.000 đồng và tiền gốc 40.000.000 đồng, H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 4.380.469 đồng;

8. Nông Thúy L, (sinh năm 1982, trú tại Tổ G, thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng). Từ ngày 16 tháng 02 năm 2022 đến ngày 16 tháng 02 năm 2023, H đã cho L vay tiền nhiều lần với lãi suất cho vay khác nhau, tổng số tiền H cho L vay là: 120.000.000 đồng với lãi suất từ 3.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 109,5%/ 01 năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 182,5%/ 01 năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Khoản vay này, H đã thu tiền lãi: 16.950.000 đồng và tiền gốc 120.000.000 đồng, H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 14.013.256 đồng;

9. Nông H Q, (sinh năm 1992, trú tại xóm B, thị trấn H, huyện N, tỉnh Cao Bằng); từ ngày 16 tháng 09 năm 2022 đến cuối năm 2023, H đã cho Q vay tiền

hiều lần với lãi suất cho vay khác nhau, tổng số tiền H cho Q vay là: 347.000.000 đồng với lãi suất từ 3.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 109,5%/ 01 năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 182,5%/ 01 năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Khoản vay này, H đã thu tiền lãi: 24.150.000 đồng và tiền gốc 347.000.000 đồng, H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 19.967.879 đồng;

10. Hứa Văn Đ, (sinh năm 1992, trú tại xóm P 1, xã Đ, Thành phố V, tỉnh Cao Bằng). Ngày 16 tháng 02 năm 2023, H cho Điền vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng /1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 146%/ 01 năm, gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định. Đến ngày 31 tháng 8 năm 2023, Điền thanh toán tiền với H thì H tính tiền lãi từ ngày 16 tháng 02 năm 2023 là 195 ngày với số tiền lãi là 7.800.000 đồng. Khoản vay này, H đã thu tiền lãi: 7.800.000 đồng và tiền gốc 10.000.000 đồng, H thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 6.731.595 đồng;

Về nguồn gốc số tiền Vũ Văn H sử dụng để cho người khác vay là tiền tích góp từ cá nhân, mỗi khi được khách vay trả tiền gốc và tiền lãi thì H sẽ dùng số tiền này để xoay vòng, tiếp tục cho người khác vay. Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng Agribank chi nhánh huyện N, số tài khoản 8307666658888 của Vũ Văn H xác định số tiền vay phù hợp với lời khai những người vay tiền, lời khai của Vũ Văn H và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Với hình thức vay nói trên, tùy từng trường hợp, người vay phải để lại Giấy chứng minh nhân dân, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các loại giấy tờ có giá trị, giấy tờ tùy thân khác để làm tin. Quá trình cho vay, Vũ Văn H trực tiếp đứng ra làm hợp đồng cho vay và thu tiền.

Căn cứ thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng đối với khách hàng.

Qua các tài liệu đối chiếu trong hồ sơ vụ án. Xác định tổng số tiền vốn H cho người khác vay ban đầu là 200.000.000đ. Sau khi cho vay, H thu về số tiền lãi 80.020.000đ; trong đó, số tiền thu lợi bất chính là 65.724.192đ.

Tại Bản cáo trạng số 25/CT-VKSNN ngày 05/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Vũ Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng luận tội đối với bị cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn H phạm tội Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn H số tiền từ 80.000.000đ (Tám mươi triệu) đồng đến 100.000.000đ (Một trăm triệu) đồng.

2. Buộc bị cáo Vũ Văn H nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng số tiền 65.724.192đ.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu IPHONE màu vàng trắng; số IMEI 359173739696740; sử dụng sim số 0966568665, điện thoại đã được niêm phong trong phong bì theo biên bản niêm phong vật chứng ngày 29/01/2024.

- Trả lại giấy tờ, tài sản cho các chủ sở hữu theo quy định.

4. Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đầy đủ bản khai thể hiện không có yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử không xem xét cụ thể.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà tòa án triệu tập có mặt tại phiên tòa cùng xác nhận trên thực tế được vay tiền trực tiếp với Vũ Văn H và phải chịu mức lãi suất cao như lời khai nhận của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn H đã nhận thức được hành vi của mình, ăn năn, hối lỗi.

Những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Nguyên Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện xác định đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ như các bản khai tự nguyện, bản tường trình sự việc tại cơ quan điều tra; biên bản niêm phong tang vật; bản tự khai, tường trình của những người trực tiếp vay nợ. Qua đó, khẳng định, vào khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2023, Vũ Văn H đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất gấp từ 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tổng số tiền H cho người khác vay là 687.000.000 đồng, số tiền H đã thu về là 654.000.000 đồng, số tiền lãi H thu được của những người vay là 80.020.000 đồng. Trong đó: Số tiền H thu lợi bất chính là 65.724.192 đồng (tiền lãi vượt quá 20%/năm). Trên thực tế bản thân H là một viên chức, không đăng ký kinh doanh dịch vụ nào liên quan đến hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng nhưng đã có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính. Việc lợi dụng những người đi vay đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, thông qua một giao dịch dân sự để buộc họ phải chịu một mức lãi suất cao vượt mức quy định của cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý tiền tệ là hành vi trái pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét

thấy hành vi của Vũ Văn H có đủ cơ sở pháp lý phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mang tính chất bóc lột làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng, phải bán các tài sản giá trị như nhà, đất để trả nợ... Ngoài ra, còn dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng như ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý, sức khỏe, khả năng duy trì bình ổn kinh tế và những thiệt hại khác về an ninh, chính trị, văn hóa, xã hội.

Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến thị trường tín dụng, quyền lợi của công dân. Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi không phải thông qua lao động chân chính, nhanh chóng kiếm lời, lợi dụng việc người đi vay đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống, ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất cao. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nên việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Do bị cáo cho vay với mức lãi suất cao trên mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định (đã cao hơn mức 20%/năm so với lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định), số tiền lãi bất chính bị cáo thu được là 65.724.192đ (*Sáu mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm chín mươi hai đồng*).

Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cần áp dụng hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo mới đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Vũ Văn H theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 201 quy định: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2....”

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi cân nhắc lượng hình phạt để áp dụng đối với bị cáo cũng cần xem xét một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Bị cáo Vũ Văn H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ

được thái độ ăn năn hối cải, bản thân bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền thu lợi bất chính do hành vi phạm tội mình gây ra để khắc phục một phần hậu quả với số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) theo Biên lai thu số 3558 ngày 29/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để bị cáo được hưởng sự khoan H của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy trong trường hợp này cần tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng chính sách khoan H của pháp luật, xét bị cáo có khả năng tự cải tạo. Trong thời gian được tại ngoại đến nay bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, có nơi cư trú rõ ràng, có công việc và thu nhập ổn định nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần một hình phạt về kinh tế là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Viện kiểm sát đề nghị xét xử bị cáo với mức phạt tiền từ 80.000.000,đ đến 100.000.000,đ là phù hợp, cần được chấp nhận. Việc xử phạt về kinh tế vẫn đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

- Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015: Xét thấy không cần thiết áp dụng.

- Về xác định khoản tiền vay: Trong tổng số tiền bị cáo cho người khác vay là 687.000.000 đồng là cộng gồm cả gốc và lãi của nhiều lần vay, trả. H dùng số vốn ban đầu là 200.000.000,đ cho khách vay, quá trình cho vay xen kẽ, từ số tiền gốc 200.000.000,đ ban đầu xoay vòng, nên xác định số tiền này là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền lãi bị cáo đã thu được của người vay tổng cộng là 80.020.000 đồng. Trong đó có 14.295.808 đồng là tiền lãi phát sinh tương ứng 20% của số tiền cho vay nhưng liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền H thu lợi bất chính là 65.724.192 đồng (tiền lãi vượt quá 20%/năm). Cần buộc bị cáo trả lại cho những người liên quan vì trong vụ án này cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình đã không xác định được những người vay dùng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên không có căn cứ để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền Hoàng Thị L và Lý Văn L vay với H. Do hai người này hiện nay không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không ghi nhận được lời khai. Ngoài lời khai của H, không có tài liệu nào khác thể hiện việc H thu vượt quá 20%/năm, do đó không đủ căn cứ xử lý số tiền gốc, tiền lãi mà H cho L và L vay.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình đã xử lý một số tài sản bị thu giữ, việc xử lý này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Hoàng Thị L) có mặt, thừa nhận tự nguyện vay theo hình thức như bị cáo đã khai nhận và không có yêu cầu gì; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt, tại hồ sơ thể hiện những người này không có yêu cầu gì. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 nghị quyết Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 21/12/2021 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc bị cáo trả lại khoản tiền người vay phải chịu lãi vượt quá 20% của số tiền vay.

- **Về vật chứng:** Căn cứ 47, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Đối với 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu IPHONE màu vàng trắng; số IMEI 359173739696740; sử dụng sim số 0966568665, điện thoại đã được niêm phong ngày 29/01/2024 theo quy định. Xác định đây là công cụ H dùng để liên lạc giao dịch vay nợ, liên quan đến hành vi phạm tội. Cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Đối với các giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký xe mô tô, giấy chứng minh nhân dân, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản hợp pháp của những người liên quan, cần trả lại cho chủ sử hữu là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí:** Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Vũ Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015. Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 21/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn H phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

- *Hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo Vũ Văn H **90.000.000đ** (Chín mươi triệu đồng).

- *Hình phạt bổ sung:* Không áp dụng.

3. Biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo Vũ Văn H phải nộp lại số tiền **200.000.000,đ** (Hai trăm triệu đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Vũ Văn H phải nộp lại số tiền thu lợi tương ứng lãi suất 20%/năm là **14.295.808,đ** (Mười bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn) đồng vào Ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng số tiền bị cáo phải nộp là **214.295.808,đ** (Hai trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi năm nghìn tám trăm linh tám đồng).

Xác nhận bị cáo Vũ Văn H đã nộp 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tạm thu số 3558 ngày 29/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo được đối trừ khoản tiền đã nộp này. Nay bị

cáo H còn phải nộp **184.295.808,đ** (Một trăm tám mươi tư triệu hai trăm chín mươi năm nghìn tám trăm linh tám đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Vũ Văn H phải trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt quá tiền lãi theo quy định là **60.416.190,đ** (Sáu mươi triệu bốn trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi nghìn đồng) cho những người liên quan:

3.1. Anh Hứa Văn Đ; sinh năm 1992, trú tại xóm P 1, xã Đ, Thành phố V, tỉnh Cao Bằng số tiền 6.731.595,đ.

3.2. Anh Nông H Q; sinh năm 1992, trú tại xóm B, thị trấn H, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng số tiền 19.967.879,đ.

3.3. Hồ Nông T; sinh năm 1988, trú tại xóm P, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng số tiền 4.380.469,đ.

3.4. Anh Lương Bảo N; sinh năm 1995, trú tại Tổ T, thị trấn H, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng số tiền 979.462,đ.

3.5. Anh Hoàng Văn Đ; sinh năm 1986, trú tại xóm N, xã D, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng số tiền 10.091.349đ.

3.6. Chị Nông D; sinh năm 1989, trú tại Tổ T, phường C, Thành phố V, tỉnh Cao Bằng) số tiền 1.991.680đ.

3.7. Chị Nông Thúy L; sinh năm 1982, trú tại Tổ G, thị trấn H, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) số tiền 14.013.256đ.

4.8. Ông Lý Đào S; sinh năm: 1979, trú tại xóm X (nay là xóm L), xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng số tiền 2.260.500,đ.

Kể từ ngày người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu IPHONE màu vàng trắng; Số IMEI 359173739696740 sử dụng sim số 0966568665, điện thoại đã được niêm phong trong phong bì theo biên bản niêm phong ngày 29/01/2024.

Trả lại giấy tờ, tài sản cho các chủ sở hữu:

- Trả lại cho bà Hoàng Mai S, sinh năm 1980, trú tại: Tổ H, thị trấn H, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD931912 mang tên bà Hoàng Mai S và ông Hứa Văn T.

- Trả lại cho ông Lý Đào S, sinh năm 1979, trú tại: Xóm X (nay là xóm L), xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH042998 mang tên ông Lý Đào S và bà Lý Mùi D.

- Trả lại cho ông Ma Ngọc N, sinh năm 1992, trú tại: Xóm G, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng 01 (một) đăng ký xe mô tô số 004857, Biển kiểm soát 11F8-9094 mang tên Ma Văn S.

- Trả lại cho bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962, trú tại: Xóm N, xã D, huyện N, tỉnh Cao Bằng 01 (một) đăng ký xe mô tô số 001281, Biển kiểm soát 11B1-

10645 mang tên Hoàng Thị L; 01 (một) chứng minh nhân dân số 080546612 mang tên Hoàng Thị L do Công an tỉnh Cao Bằng cấp ngày 19/01/2007.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, trú tại: Tổ H, thị trấn H, huyện N, Cao Bằng 01 (một) đăng ký xe mô tô số 001844, Biển kiểm soát 11N1-02112 mang tên Nguyễn Thị H; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 085054545 mang tên Nguyễn Thị H Công an tỉnh Cao Bằng cấp ngày 20/6/2011.

- Trả lại cho ông Chu Tiến T, sinh năm 1996, trú tại: Xóm H, xã Q, huyện N, tỉnh Cao Bằng 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 085700508 mang tên Chu Tiến T do Công an tỉnh Cao Bằng cấp ngày 28/7/2014 và 01 (một) đăng ký xe mô tô số 007489, Biển kiểm soát 11H1-12859 mang tên Tạ Văn Hoàng.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn H 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 14/12/2021 giữa Vũ Văn H và Nguyễn Ngọc H; 02 (hai) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/5/2020 giữa Vũ Văn H và Nguyễn Thị A.

Xác nhận vật chứng của vụ án hiện đang được bảo quản tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 27 được lập ngày 09/7/2024 giữa cơ quan Công an và chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Buộc bị cáo Vũ Văn H phải nộp **200.000,đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- UBND thị trấn H;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Lịch